DAY 4

Động từ nguyên mẫu (V1)	**Thể quá khứ (V2)**	**Quá khứ phân từ (v3)**	Nghĩa của động từ
read / ri:d /	read /red /	read / red /	đọc
ride	rode	ridden	cưỡi
ring	rang	rung	rung chuông
rise	rose	risen	đứng dậy; mọc
run	ran	run	chạy
saw	sawed	sawn	cưa
say	said	said	nói
see	saw	seen	nhìn thấy
sell	sold	sold	bán
send	sent	sent	gửi

EXERCISE

read / ri:d /			đọc
ride			cưỡi
ring			rung chuông
rise			đứng dậy; mọc
run			chạy
saw			cưa
say			nói
see			nhìn thấy
sell			bán
send			gửi

LIVEWORKSHEETS